

## LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIẾN ĐỘ QUYỂN 20

### *Kiến độ thứ 5: BỐN ĐẠI*

#### *Phẩm 3: BÀN VỀ KIẾN ĐẾ*

Đệ tử của Thế Tôn thành tựu kiến đế mà ái dục chưa hết, các giới luật về thân - miệng hệ thuộc cõi Sắc, thành tựu sắc ấy là do bốn đại nào tạo ra?

Sinh nơi cõi Dục hữu lậu nhập sơ thiên, hữu lậu nhập nhị thiên- tam thiên - tứ thiên, các giới luật về thân - miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Sinh nơi cõi Dục vô lậu nhập sơ thiên, vô lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Sinh nơi cõi Sắc hữu lậu nhập sơ thiên, hữu lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Sinh nơi cõi Sắc vô lậu nhập sơ thiên, vô lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân - miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Đệ tử của Thế Tôn sinh nơi cõi Vô sắc, các vô lậu thành tựu giới luật thân- miệng thì sắc ấy là do bốn đại nào tạo ra?

Ở nơi cõi Vô sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Dục ban đầu có được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Ở nơi cõi Vô sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Sắc ban đầu được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Ở cõi Sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Dục ban đầu được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Sinh nơi cõi Dục hóa hiện nơi cõi Sắc, hóa hiện phát ra ngôn ngữ nơi cõi Sắc, sắc đó là bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Sắc hóa hiện nơi cõi Dục, hóa hiện phát ra ngôn ngữ nơi cõi Dục, sắc đó là bốn đại nào tạo?

Hóa hiện nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại? Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo? Nên nói là hữu tâm hay vô tâm? Nên nói sử dụng ngôn ngữ và tâm nào?

Trung ấm nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại? Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo? Nên nói là hữu tâm hay vô tâm? Nên nói sử dụng ngôn ngữ và tâm nào?

Đời lâu xa gọi là pháp gì? Kiếp gọi là pháp gì? Tâm khởi trụ diệt gọi là pháp gì?

Pháp là do bốn duyên sinh, ba duyên sinh, hai duyên sinh, hay là một duyên sinh?

Thế nào là pháp nhân tương ứng? Thế nào là pháp nhân bất tương ứng? Thế nào là pháp nhân tương ứng mà nhân bất tương ứng? Thế nào là pháp không phải nhân tương ứng, cũng không phải nhân bất tương ứng?

Thế nào là pháp cùng duyên duyên? Thế nào là pháp không cùng duyên duyên? Thế nào là pháp cùng duyên duyên và không cùng duyên duyên? Thế nào là pháp không phải cùng duyên duyên cũng không phải không cùng duyên duyên?

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Bên trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc.” Thế nào là bên trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc?

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Có tướng không có sắc”. Thế nào là có tướng không có sắc? Đối với có sắc không có tướng thì tất cả ái sắc kia hết chăng?. Giả sử ái sắc hết thì tất cả là có sắc mà không có tướng chăng? Đối với không phải có sắc cũng không có tướng thì tất cả ái sắc chưa hết hay sao? Giả sử ái sắc chưa hết thì tất cả đó là không phải có sắc cũng không có tướng chăng?

Nơi bốn thức dừng lại và nơi bảy thức dừng lại, nơi bốn thức dừng lại thâm nhiếp nơi bảy thức dừng lại, hay là nơi bảy thức dừng lại thâm nhiếp nơi bốn thức dừng lại? Nơi bốn thức dừng lại và chính nơi cư trú của chúng sinh, thì nơi bốn thức dừng lại thâm nhiếp chín nơi cư trú của chúng sinh, hay là chín nơi cư trú của chúng sinh thâm nhiếp nơi bốn thức dừng lại. Nơi bảy thức dừng lại và chín nơi cư trú của chúng sinh, thì nơi bảy thức dừng lại thâm nhiếp chính nơi cư trú của chúng sinh, hay

là chính nơi cư trú của chúng sinh thân nhiếp nơi bảy thức dừng lại?

Về nghĩa của chương này xin diễn nói đầy đủ.

Đệ tử của Thế Tôn thành tựu kiến đế mà ái dục chưa hết, các giới luật về thân- miệng hệ thuộc cõi Sắc, thành tựu sắc ấy là do bốn đại nào tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục hữu lậu nhập sơ thiên, hữu lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên. Các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục vô lậu nhập sơ thiên, vô lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc hữu lậu nhập sơ thiên, hữu lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc vô lậu nhập sơ thiên, vô lậu nhập nhị thiên- tam thiên- tứ thiên, các giới luật về thân- miệng ấy là do bốn đại nào tạo ra sắc ấy?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Đệ tử của Thế Tôn sinh nơi cõi Vô sắc, các vô lậu thành tựu giới luật nơi thân- miệng thì sắc ấy là do bốn đại nào tạo?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Ở nơi cõi Vô sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Dục ban đầu có được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Ở nơi cõi Vô sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Sắc ban đầu có được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Ở nơi cõi Sắc ẩn rồi sinh nơi cõi Dục ban đầu có được bốn đại, bốn đại đó là nhân của bốn đại nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục hóa hiện nơi cõi Sắc, hóa hiện phát ra ngôn ngữ nơi cõi Sắc, sắc đó là bốn đại nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc hóa hiện nơi cõi Dục, hóa hiện phát ra ngôn

ngữ nơi cõi Dục, sắc đó là bốn đại nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Hóa hiện nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại?

Đáp: Hóa hiện nên nói là bốn đại.

Hỏi: Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo?

Đáp: Nên nói là sắc tạo.

Hỏi: Nên nói là hữu tâm hay vô tâm?

Đáp: Nên nói vô tâm.

Hỏi: Nên nói sử dụng ngôn ngữ và tâm nào?

Đáp: Ngôn ngữ và tâm hóa hiện.

Hỏi: Trung ấm nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại?

Đáp: Trung ấm nên nói là bốn đại.

Hỏi: Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo?

Đáp: Nên nói là sắc tạo.

Hỏi: Nên nói là hữu tâm hay vô tâm?

Đáp: Nên nói là hữu tâm.

Hỏi: Nên nói sử dụng ngôn ngữ và tâm nào?

Đáp: Nên nói là sử dụng ngôn ngữ và tâm của mình.

Hỏi: Thế gọi là pháp gì?

Đáp: Gọi cho số lượng chỉ về hành.

Hỏi: Kiếp gọi là pháp gì?

Đáp: Gọi cho số lượng chỉ về nửa tháng- tháng- xuân- hạ- năm.

Hỏi: Tâm khởi- trụ- diệt gọi là pháp gì?

Đáp: Gọi cho số lượng chỉ về thời tiết- phút- giây.

Hỏi: Pháp là do bốn duyên sinh chăng?

Đáp: Sinh tất cả tâm.

Hỏi: Tâm pháp do ba duyên sinh chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Định vô tướng và định diệt tận do hai duyên sinh chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Trừ ra định vô tướng và định diệt tận, các sắc của tâm bất tương ứng hành do một duyên sinh chăng?

Đáp: Không sinh.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân tương ứng?

Đáp: Tất cả tâm- tâm pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân bất tương ứng?

Đáp: Sắc vô vi và tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp nhân tương ứng mà nhân bất tương ứng?

Đáp: Tâm- tâm pháp kia có một ít nhân tương ứng và một ít nhân không tương ứng.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải nhân tương ứng, cũng không phải là nhân bất tương ứng?

Đáp: Tâm- tâm pháp kia có một ít nhân không tương ứng và một ít nhân không phải không tương ứng.

Hỏi: Thế nào là pháp cùng duyên duyên?

Đáp: Các ý thức thân cùng tương ứng duyên với tâm- tâm pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp không cùng duyên duyên?

Đáp: Năm thức thân cùng tương ứng ý thức thân cùng tương ứng duyên với sắc vô vi và tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp cùng duyên duyên và không cùng duyên duyên?

Đáp: Năm thức thân cùng tương ứng, thân ý thức cùng tương ứng, duyên với tâm- tâm pháp, duyên với sắc vô vi và tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải cùng duyên duyên cũng không phải không cùng duyên duyên?

Đáp: Sắc vô vi và tâm bất tương ứng hành.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Bên trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc.”

Hỏi: Thế nào là trong không có tướng sắc mà ngoài quán sắc?

Đáp: Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chôn dưới đất, đã chôn dưới đất, sẽ bị các thứ sâu trùng rửa ăn, đã bị các thứ sâu trùng rửa ăn. Hành giả kia không quán thân này nhưng thấy các thứ sâu trùng kia.

Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chất củi, đã chất củi, sẽ hỏa thiêu, đã hỏa thiêu. Hành giả kia không quán thân này nhưng thấy lửa.

Như thân này là đồng tuyết đông lại, là sữa đặc và bơ, sẽ đặt trên lửa, đã đặt trên lửa, sẽ tiêu tan, đã tiêu tan. Hành giả kia không quán thân này nhưng thấy lửa.

Như thế là trong không có tướng sắc mà ngoài quán sắc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Có tướng không có sắc.”

Hỏi: Thế nào là có tướng không có sắc?

Đáp: Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chôn dưới đất, đã chôn dưới đất, sẽ bị các thứ sâu trùng rửa ăn, đã bị các thứ sâu trùng rửa ăn, mỗi thứ đều sẽ tan rã, mỗi thứ đã tan rã.

Hành giả kia không quán thân này, cũng không thấy các thứ sâu trùng kia.

Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chất củi, đã chất củi, sẽ hỏa thiêu, đã hỏa thiêu, lửa sẽ tắt, đã tắt. Hành giả kia không quán thân này, cũng không thấy lửa.

Như thân này là đóng tuyết đông lại, là sữa đặc và bơ, sẽ đặt trên lửa, đã đặt trên lửa, sẽ tiêu tan, lửa đã tiêu tan, sẽ tắt, đã tắt. Hành giả kia không quán thân này, cũng không thấy lửa. Như thế là có tướng không có sắc.

Hỏi: Đối với có sắc không có tướng thì tất cả ái sắc kia hết chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Đối với có sắc mà không có tướng thì tất cả ái sắc kia không còn.

Hỏi: Có thể ái sắc hết mà đó không phải là có sắc không có tướng chăng?

Đáp: Có, ái sắc hết thì đó là không nhập Tam-muội.

Hỏi: Đối với không có sắc cũng không có tướng thì tất cả ái sắc kia chưa hết chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Đối với ái sắc chưa hết thì tất cả đều là không có sắc cũng không có tướng.

Hỏi: Có thể không có sắc cũng không có tướng, thì đó là không phải ái sắc không hết chăng?

Đáp: Có, ái sắc hết thì đó là không nhập Tam-muội.

Hỏi: Nơi bốn thức dừng lại và nơi bảy thức dừng lại, thì nơi bốn thức dừng lại thấu nhiếp nơi bảy thức dừng lại chăng?

Đáp: Hoặc bốn thức chứ không phải bảy thức.

Thế nào là bốn thức mà không phải bảy thức? Sắc- thống (thọ)- tướng- hành của địa ngục- súc sinh- ngã quỷ, sắc- thống- tướng- hành của trời Quả thật, thống- tướng- hành của Hữu tướng- Vô tướng- đó gọi là bốn thức mà không phải bảy thức.

Thế nào là bảy thức mà không phải bốn thức? Tâm của người và trời cõi Dục, trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, Không xứ, Thức xứ, tâm bất dụng xứ, đó gọi là bảy thức mà không phải bốn thức.

Thế nào là bốn thức cũng là bảy thức? Sắc- thống- tướng- hành của người mà trời cõi Dục; thống- tướng- hành của trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, thống- tướng- hành của Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ; đó gọi là bốn thức cũng là bảy thức.

Thế nào là không phải bốn thức cũng không phải bảy thức? Tâm

của địa ngục- súc sinh- ngạ quỷ; tâm của các cõi Quả thật, Hữu tướng, Vô tướng; đó gọi là không phải bốn thức cũng không phải bảy thức.

Hỏi: Nơi bốn thức dừng lại và chín nơi cư trú của chúng sinh thì nơi bốn thức dừng lại thấu nhiếp nơi cư trú của chúng sinh chăng?

Đáp: Hoặc bốn mà không phải chín.

Thế nào là bốn mà không phải chín? Sắc- thống- tướng- hành của địa ngục- súc sinh- ngạ quỷ; chúng sinh cõi Vô tướng không thấu nhiếp sắc- thống- tướng- hành của cõi Quả thật, đó gọi là bốn mà không phải chín.

Thế nào là chín mà không phải bốn? Tâm của người và trời cõi Dục; tâm của trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, chúng sinh cõi Vô tướng và cõi Vô sắc; đó gọi là chín mà không phải bốn.

Thế nào là bốn và chín? Sắc- thống- tướng- hành của người và trời cõi Dục; sắc- thống- tướng- hành của trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh và chúng sinh cõi Vô tướng; thống- tướng- hành của cõi Vô sắc; đó gọi là bốn và chín.

Thế nào là không phải bốn cũng không phải chín? Tâm của địa ngục- súc sinh- ngạ quỷ và chúng sinh cõi Vô tướng không thấu nhiếp tâm của cõi Quả thật, đó gọi là không phải bốn cũng không phải chín.

Hỏi: Nơi bảy thức dừng lại và chín nơi cư trú của chúng sinh, thì nơi bảy thức dừng lại thấu nhiếp chín nơi cư trú của chúng sinh hay là chín nơi cư trú của chúng sinh thấu nhiếp nơi bảy thức dừng lại?

Đáp: Chín thấu nhiếp bảy chứ không phải bảy thấu nhiếp chín.

Không thấu nhiếp những gì? Hai xứ là chúng sinh cõi Vô tướng và trời Hữu tướng, Vô tướng.

#### *Phẩm 4: BÀN VỀ NỘI TẠO*

Bốn đại bên trong và bốn đại bên trong ấy có bao nhiêu duyên duyên? Bốn đại bên trong không phải bốn đại bên trong, không phải bốn đại bên trong và không phải bốn đại bên trong ấy, không phải bốn đại bên trong và bốn đại bên trong có bao nhiêu duyên duyên?

Nhân tương ứng pháp và nhân tương ứng pháp ấy có bao nhiêu duyên duyên? Nhân tương ứng pháp và nhân không tương ứng pháp, nhân không tương ứng pháp và nhân không tương ứng pháp ấy nhân không tương ứng pháp và nhân tương ứng pháp có bao nhiêu duyên duyên?

Pháp cùng duyên và pháp cùng duyên ấy có bao nhiêu duyên duyên? Pháp cùng duyên và pháp không có duyên, pháp không có duyên và pháp không có duyên ấy, pháp không có duyên và pháp cùng duyên có bao nhiêu duyên duyên?

Pháp sắc và pháp sắc kia có bao nhiêu duyên duyên? Pháp sắc và pháp không có sắc; pháp không có sắc và pháp không có sắc kia; pháp không có sắc và pháp sắc có bao nhiêu duyên duyên?

Có thể thấy và không thể thấy, có đối và không có đối cũng như thế.

Pháp hữu lậu và pháp hữu lậu kia có bao nhiêu duyên duyên? Pháp hữu lậu và pháp vô lậu; pháp vô lậu và pháp vô lậu kia; pháp vô lậu với pháp hữu lậu có bao nhiêu duyên duyên?

Pháp hữu vi và pháp hữu vi kia có bao nhiêu duyên duyên? Pháp hữu vi và pháp vô vi; pháp vô vi và pháp vô vi kia; pháp vô vi với pháp hữu vi có bao nhiêu duyên duyên?

Nếu có thể ràng buộc hoặc tự nhận chịu ràng buộc, địa ngục có được các căn bốn đại ấy; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp ấy và căn bốn đại kia có bao nhiêu duyên duyên?

Nếu có thể ràng buộc hoặc tự nhận chịu ràng buộc, súc sinh- ngã quỷ- trời người, có được các căn bốn đại ấy; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp kia và các căn bốn đại ấy có bao nhiêu duyên duyên?

Sinh nơi cõi Dục, hữu lậu nhập sơ thiền, hữu lậu cho đến nhập định hữu tướng- vô tướng, căn ấy tăng thêm bốn đại cũng tăng thêm; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy có bao nhiêu duyên duyên?

Sinh nơi cõi Dục, vô lậu nhập sơ thiền, vô lậu cho đến nhập định bất dụng, các căn bốn đại ấy tăng thêm; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy có bao nhiêu duyên duyên?

Sinh nơi cõi Sắc, hữu lậu nhập sơ thiền, hữu lậu cho đến nhập định hữu tướng- vô tướng, căn bốn đại ấy tăng thêm; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy có bao nhiêu duyên duyên?

Sinh nơi cõi Sắc vô lậu nhập sơ thiền, vô lậu cho đến nhập định bất dụng, căn bốn đại ấy tăng thêm; căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia có bao nhiêu duyên duyên? Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy



có bao nhiêu duyên duyên?

Nội gọi nghĩa là gì? Không phải nội gọi là nghĩa gì? Thọ gọi là nghĩa gì? Không phải thọ gọi là nghĩa gì? Kiết gọi là nghĩa gì? Không phải kiết gọi là nghĩa gì? Kiến xứ là nghĩa gì? Không phải kiến xứ là nghĩa gì?

Các pháp bên trong thì pháp đó thuộc về nội nhập chăng? Giả sử pháp thuộc về nội nhập thì pháp đó là bên trong chăng? Các pháp bên ngoài thì pháp đó thuộc về ngoại nhập chăng? Giả sử pháp thuộc về ngoại nhập thì pháp đó là bên ngoài chăng?

Hai thống (thọ) và ba thống, hai thống thâm nhiếp ba thống, hay ba thống thâm nhiếp hai thống? Hai thống- bốn thống- năm thống- sáu thống, mười tám thống - ba mươi sáu thống- một trăm lẻ tám thống. Hai thống thâm nhiếp một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống thâm nhiếp hai thống? Cho đến ba mươi sáu thống và một trăm lẻ tám thống, ba mươi sáu thống thâm nhiếp một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống thâm nhiếp ba mươi sáu thống?

Dùng đạo vô ngại hướng tới quả Tu-đà-hoàn. Khi tu chứng đạo ấy, có bao nhiêu ý dừng lại hiện ở trước mắt mắt? Bao nhiêu tu vị lai? Bao nhiêu ý đoạn? Bao nhiêu thần túc? Bao nhiêu căn- lực? Bao nhiêu giác ý? Bao nhiêu đạo chủng? Bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu tu Tam-muội hiện ở trước mắt mắt? Bao nhiêu tu vị lai?

Dùng đạo vô ngại hướng tới quả Tư-đà-hàm và A-na-hàm, chứng được thần thông có thần túc- thiên nhĩ- biết tâm người khác- tự biết mạng đời trước- lậu tận trí nhìn thấy tất cả. Lúc tu đạo kia, tu bao nhiêu ý dừng lại hiện ở trước mắt? Bao nhiêu tu vị lai? Bao nhiêu ý đoạn? Bao nhiêu thần túc? Bao nhiêu căn- lực? Bao nhiêu giác ý? Bao nhiêu đạo chủng? Bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu tu Tam-muội hiện ở trước mắt? Bao nhiêu tu vị lai?

Về nghĩa của chương này xin diễn nói đầy đủ.

Bốn đại bên trong là nhân tăng thượng của bốn đại bên trong ấy. Bốn đại bên trong là nhân tăng thượng của không phải bốn đại bên trong. Không phải bốn đại bên trong là nhân tăng thượng của không phải bốn đại bên trong. Không phải bốn đại bên trong là nhân tăng thượng của bốn đại bên trong.

Nhân tương ứng pháp và nhân tương ứng pháp ấy, là nhân thứ đệ và duyên tăng thượng. Nhân tương ứng pháp và nhân không tương ứng pháp là nhân thứ đệ tăng thượng mà không có duyên. Nhân không tương ứng pháp và nhân không tương ứng pháp ấy là nhân tăng thượng. Nhân không tương ứng pháp và nhân tương ứng pháp là nhân duyên tăng thượng chứ không có thứ đệ.

Pháp cùng duyên và pháp cùng duyên kia là nhân thứ đệ tăng thượng. Pháp cùng duyên và pháp không có duyên là nhân thứ đệ tăng thượng mà không có duyên. Pháp không có duyên và pháp không có duyên kia là nhân tăng thượng. Pháp không có duyên và pháp cùng duyên là, nhân duyên tăng thượng chứ không có thứ đệ.

Pháp sắc và pháp sắc kia là nhân duyên tăng thượng. Pháp sắc và pháp không có sắc là nhân duyên tăng thượng mà không có thứ đệ. Pháp không có sắc và pháp không có sắc kia là nhân thứ đệ duyên tăng thượng. Pháp không có sắc và pháp sắc là nhân tăng thượng chứ không có duyên cũng không có thứ đệ.

Có thể thấy và không thể thấy, có đối và không có đối cũng như thế.

Pháp hữu lậu và pháp hữu lậu kia là nhân thứ đệ và duyên tăng thượng. Pháp hữu lậu và pháp vô lậu, là thứ đệ duyên tăng thượng mà không có nhân. Pháp vô lậu và pháp vô lậu kia là nhân thứ đệ và duyên tăng thượng. Pháp vô lậu và pháp hữu lậu, là thứ đệ và duyên tăng thượng chứ không có nhân.

Pháp hữu vi và pháp hữu vi kia là nhân thứ đệ duyên tăng thượng. Pháp hữu vi và pháp vô vi thì không có. Pháp vô vi và pháp vô vi kia thì không có. Pháp vô vi với pháp hữu vi là duyên tăng thượng.

Nếu có thể ràng buộc hoặc tự nhận ràng buộc, địa ngục có được các căn bốn đại ấy, căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia cùng một tăng thượng. Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Nếu có thể ràng buộc hay tự nhận chịu ràng buộc súc sinh- ngựa quỳ- trời người có được căn bốn đại ấy, căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia cùng một tăng thượng. Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Sinh nơi cõi Dục, hữu lậu nhập sơ thiền, hữu lậu cho đến nhập định hữu tướng - vô tướng, căn ấy tăng thêm bốn đại cũng tăng thêm, căn bốn đại ấy và tâm - tâm pháp kia cùng một tăng thượng. Tâm - tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Sinh nơi cõi Dục vô lậu nhập sơ thiền, vô lậu cho đến nhập định

bất dụng, căn bốn đại ấy tăng thêm. Căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia cùng một tăng thượng. Tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Sinh nơi cõi Sắc hữu lậu nhập sơ thiên, hữu lậu cho đến nhập định hữu tướng, vô tướng, căn bốn đại ấy tăng thêm. Căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia cùng một tăng thượng. tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Sinh nơi cõi Sắc, vô lậu nhập sơ thiên. Vô lậu, cho đến nhập định bất dụng, căn bốn đại ấy tăng thêm. Căn bốn đại ấy và tâm- tâm pháp kia cùng một tăng thượng. tâm- tâm pháp kia và căn bốn đại ấy cùng một tăng thượng.

Hỏi: Nội pháp là gì?

Đáp: Danh số của tự mình.

Hỏi: Không phải nội là gọi cho nghĩa nào?

Đáp: Không phải danh số của tự mình.

Hỏi: Thọ nghĩa là gì?

Đáp: Danh số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Không phải thọ là nghĩa gì?

Đáp: Danh số của pháp vô lậu.

Hỏi: Kiết là nghĩa gì?

Đáp: Danh số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Không phải kiết là nghĩa gì?

Đáp: Danh số của pháp vô lậu.

Hỏi: Kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Danh số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Không phải kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Danh số của pháp vô lậu.

Hỏi: Các pháp bên trong thì pháp đó thuộc về nội nhập chăng?

Đáp: Hoặc pháp bên trong mà pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp bên trong mà pháp đó không phải thuộc về nội nhập? Như đã nói về nội thống- nội pháp và pháp quán àm xử lý đó gọi là pháp bên trong mà pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp thuộc về nội nhập mà pháp đó không phải bên trong? Như đã nói về ngoại thân- ngoại tâm và tâm quán mà xử lý đó gọi là pháp thuộc về nội nhập mà pháp đó không phải bên trong.

Thế nào là pháp bên trong và pháp đó thuộc về nội nhập? Như đã nói về nội thân- nội tâm và tâm quán mà xử lý, đó gọi là bên trong và

pháp đó thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp không phải bên trong mà pháp đó không phải thuộc về nội nhập? Như đã nói về ngoại thống- ngoại pháp và pháp quán mà xử lý, đó gọi là pháp không phải bên trong mà pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Hỏi: Các pháp bên ngoài thì pháp đó thuộc về ngoại nhập chăng?

Đáp: Hoặc pháp bên ngoài mà pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp bên ngoài mà pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập? Như đã nói về ngoại thân- ngoại tâm và tâm quán mà xử lý, đó gọi là pháp bên ngoài mà pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp thuộc về ngoại nhập mà pháp đó không phải ngoại? Như đã nói về nội thống- nội pháp và pháp quán mà xử lý, đó gọi là pháp thuộc về ngoại nhập và pháp đó không phải bên ngoài.

Thế nào là pháp bên ngoài mà pháp đó thuộc về ngoại nhập? Như đã nói về ngoại thống- ngoại pháp và pháp quán mà xử lý, đó gọi là pháp bên ngoài mà pháp đó thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp không phải bên ngoài mà pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập? Như đã nói về nội thân- nội tâm và tâm quán mà xử lý, đó gọi là pháp không phải bên ngoài mà pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Hỏi: Hai thống (thọ) và ba thống, hai thống thâm nhiếp ba thống, hay ba thống thâm nhiếp hai thống?

Đáp: Tùy thuộc về chủng loại mà thâm nhiếp nhau.

Hỏi: Hai thống- bốn thống- năm thống- sáu thống... Hai thống thâm nhiếp sáu thống, hay sáu thống thâm nhiếp hai thống.

Đáp: Tùy thuộc về chủng loại mà thâm nhiếp nhau.

Hỏi: Hai thống và mười tám thống, hai thống thâm nhiếp mười tám thống, hay mười tám thống thâm nhiếp hai thống?

Đáp: Hai thống thâm nhiếp mười tám thống chứ không phải mười tám thống thâm nhiếp hai thống.

Không thâm nhiếp những gì? Khổ căn, hữu lậu, lạc căn, có đối, tương ứng, hộ (xả) căn, thống, vô lậu.

Ba mươi sáu thống và một trăm lẻ tám thống cũng như thế, cho đến sáu thống và mười tám thống cũng như thế.

Hỏi: Sáu thống thâm nhiếp mười tám thống, hay mười tám thống thâm nhiếp sáu thống?

Đáp: Sáu thân nhiếp mười tám chữ không phải mười tám thân nhiếp sáu.

Không thân nhiếp những gì? Khổ căn, hữu lậu, lạc căn, có đối, tương ứng, hộ căn, thống, vô lậu.

Ba mươi sáu thống và một trăm lẻ tám thống cũng như thế, cho đến mười tám thống và ba mươi sáu thống cũng như thế.

Hỏi: Ba mươi sáu thống và một trăm lẻ tám thống, ba mươi sáu thống thân nhiếp một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống thân nhiếp ba mươi sáu thống?

Đáp: Tùy thuộc về chủng loại mà thân nhiếp nhau.

Dùng đạo vô ngại hướng tới quả Tu-đà-hoàn. Lúc tu chứng đạo ấy, thì tu một ý dừng lại (niệm xứ) hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn (chánh cần), vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; tám đạo chủng (chánh đạo), vị lai có tám; không có thiền, vị lai không có; vô đẳng, vị lai không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí không có vị lai; một Tam-muội, vị lai có một.

Dùng đạo vô ngại hướng tới chứng quả Tư-đà-hàm. Nếu ái dục hết thì vượt qua thứ tự mà thủ chứng. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; tám đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai không có; vô đẳng, vị lai không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí không có vị lai; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo thế tục nhận lấy quả Tư-đà-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có sáu; không có đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai không có; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập; một trí, vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu được quả Tư-đà-hoàn, dùng đạo vô lậu, nhận lấy quả Tư-đà-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; tám đạo chủng, vị

lai có tám; không có thiền, vị lai không có; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập; hai trí, vị lai có bảy; một Tam-muội, vị lai có ba.

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả A-na-hàm. Nếu ái dục hết thì vượt qua thứ tự mà thủ chứng. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; tám đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai không có; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu dựa vào Sơ thiền nhận lấy quả A-na-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; bảy giác ý, vị lai có bảy; tám đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị lai có một, vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu dựa vào Trung gian thiền nhận lấy quả A-na-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; bảy đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai có một; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu dựa vào Nhị thiền nhận lấy quả A-na-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; bảy giác ý, vị lai có bảy; bảy đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị lai có hai; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu dựa vào Tam thiền nhận lấy quả A-na-hàm. Lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; bảy đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị lai có ba, vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị

lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu dựa vào Tứ thiên nhận lấy quả A-na-hàm. Lúc tu đạo kia thì đã tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có bảy; bảy đạo chủng, vị lai có tám; một thiên, bốn vị lai, vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập không có; trí vị lai không có; một Tam-muội, vị lai có một.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo thế tục nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có sáu; không có đạo chủng, vị lai có tám; không có thiên; vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập; một trí, vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có sáu; tám đạo chủng, vị lai có tám; không có thiên, vô đẳng không có; định vô sắc không có; giải thoát không có; tám trừ nhập không có; mười nhất thiết nhập; hai trí vị lai có bảy; một Tam-muội, vị lai có ba.

Dùng đạo vô ngại chứng thần túc trí thông. Nếu dựa vào Sơ thiên mà người phạm phu tu đạo tấn túc lúc tu đạo đó thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai không có; không có đạo chủng, vị lai không có; một thiên, vị lai có một; vô đẳng, vị lai có bốn, không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có hai; không có tám trừ nhập, vị lai có bốn; không có mười nhất thiết nhập, vị lai không có; một trí, vị lai có một; không có Tam-muội, vị lai không có.

Nếu dựa vào Sơ thiên mà người vô cấu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có bảy; không có đạo chủng, vị lai có tám; một thiên, vị lai có một; vô đẳng, vị lai có bốn; không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có hai; không có tám trừ nhập, vị lai có bốn; không có mười nhất thiết nhập, vị lai không có;

một trí vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Nhị thiên mà người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai không có; không có đạo chủng, vị lai không có; một thiên, vị lai có một; vô đẳng, vị lai có bốn; không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có hai; không có tám trừ nhập, vị lai có bốn; không có mười nhất thiết nhập, vị lai không có; một trí, vị lai có một; không có Tam-muội, vị lai không có.

Nếu dựa vào Nhị thiên mà người vô cấu tu đạo thần túc. Lúc tu đạo đó thì sẽ tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có bảy; không có đạo chủng, vị lai có tám; một thiên, vị lai có hai; vô đẳng, vị lai có bốn; không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có hai; không có tám trừ nhập, vị lai có bốn; mười nhất thiết nhập không có, vị lai không có; một trí vị lai có bảy; Tam-muội không có, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tam thiên mà người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai không có; không có đạo chủng, vị lai không có; một thiên, vị lai có một; vô đẳng, vị lai có ba; không có định vô sắc; không có giải thoát; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; một trí vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai không có.

Nếu dựa vào Tam thiên mà người vô cấu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có bảy; tám đạo chủng, vị lai có tám; một thiên, vị lai có ba; vô đẳng, vị lai có ba; không có định vô sắc; không có giải thoát; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; một trí vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tứ thiên mà người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó, thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai không có; không có đạo chủng, vị lai không có; một thiên, vị lai có một; vô đẳng, vị lai có ba; không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có một; không



có tám trừ nhập, vị lai có bốn; không có mười nhất thiết nhập, vị lai có tám; một trí vị lai có một; không có Tam-muội, vị lai không có.

Nếu dựa vào Tứ thiền mà người vô cầu tu đạo thần túc, lúc tu đạo đó, thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; không có giác ý, vị lai có bảy; không có đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị lai có bốn; vô đẳng, vị lai có ba; không có định vô sắc, vị lai không có; không có giải thoát, vị lai có một; không có tám trừ nhập, vị lai có bốn; không có mười nhất thiết nhập, vị lai có tám; một trí vị lai có bảy; không có Tam-muội, vị lai có ba.

Thiền nhĩ -biết tâm người khác- tự biết mạng đời trước và nhìn thấy tất cả cũng như thế. Dùng đạo vô ngại tận lậu trí chứng thông, nếu dựa vào Tam-muội có giác- có quán vị lai, đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt; vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có bảy; tám đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; không có định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Sơ thiền đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; bảy giác ý, vị lai có bảy; tám đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; không có định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Trung gian thiền đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có bảy; bảy đạo chủng, vị lai có tám; không có thiền, vị lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; không có định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí, vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Nhị thiền đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; bảy giác ý, vị lai có bảy; bảy đạo chủng, vị lai có tám; một thiền, vị

lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; không có định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tam thiên và Tứ thiên đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có bảy; bảy đạo chủng, vị lai có tám; một thiên, vị lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; không có định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

Nếu dựa vào định vô sắc đạt đến A-la-hán, lúc tu đạo kia thì tu một ý dừng lại hiện ở trước mắt, vị lai có bốn; bốn ý đoạn, vị lai có bốn; bốn thần túc, vị lai có bốn; năm căn, vị lai có năm; năm lực, vị lai có năm; sáu giác ý, vị lai có bảy; bốn đạo chủng, vị lai có tám; không có thiên, vị lai có bốn; vô đẳng không có vị lai; một định vô sắc, vị lai có ba; không có giải thoát, vị lai có ba; không có tám trừ nhập; không có mười nhất thiết nhập; hai trí, vị lai có sáu; một Tam-muội, vị lai có ba.

